

**PHỤ LỤC**  
**ĐẶT TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**  
*(Kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày /8/2020 của UBND tỉnh)*

**A. Các tuyến đường khu hành chính huyện Mộc Hóa**

| STT | Tên đường tạm thời | Điểm đầu                                  | Điểm cuối                     | Độ dài (m) | Bề rộng trung bình (m) |          | Kết cấu      | Tên đường mới          | Tóm tắt tiểu sử   |
|-----|--------------------|---|-------------------------------|------------|------------------------|----------|--------------|------------------------|---|
|     |                    |   |                               |            | Nền rộng               | Mặt rộng |              |                        |   |
| 1   | 01                 | Giáp đường liên huyện Mộc Hóa – Thạnh Hóa | Giáp đường cấp kênh Tân Thiết | 1.950      | 24                     | 12       | bê tông nhựa | <b>Thiên Hộ Dương</b>  | Hay Võ Duy Dương (1827 - 1866), quê quán: xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định; là vị thủ lĩnh tài giỏi trong phong trào võ trang kháng Pháp (1862 - 1866) có căn cứ tại vùng Đồng Tháp Mười và địa bàn kháng chiến rộng lớn khắp Nam kỳ gây cho địch nhiều tổn thất.   |
| 2   | 02                 | Giáp đường liên huyện Mộc Hóa – Thạnh Hóa | Giáp đường Đốc Binh Kiều      | 675,4      | 20                     | 10       | bê tông nhựa | <b>Huỳnh Công Thân</b> | Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam (1923 - 2003), quê quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa; Nguyên tỉnh đội trưởng, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh Long An; có công trong thực hiện chủ trương khai phá vùng Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An.   |
| 3   | 03                 | Giáp đường liên huyện Mộc Hóa – Thạnh Hóa | Giáp đường cấp kênh Tân Thiết | 1.931,8    | 36                     | 24       | bê tông nhựa | <b>30/4</b>            | Sự kiện lịch sử 30/4/1975 còn được gọi là Ngày 30 tháng 4, Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là kết quả đỉnh cao của Chiến dịch Hồ Chí Minh, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của Chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. |

|   |    |   |   |             |    |    |                 |                      |  |
|---|----|---|---|-------------|----|----|-----------------|----------------------|--|
| 4 | 04 | Giáp<br>đường<br>Thủ Khoa<br>Huân dự<br>kiến  | Giáp<br>đường cặp<br>kênh Tân<br>Thiết                | 1.574<br>,9 | 20 | 10 | bê tông<br>nhựa | <b>Trần Văn Giàu</b> | Nhà hoạt động cách mạng, nhà khoa học, nhà nghiên cứu lịch sử, triết học, nhà giáo Việt Nam (1911 - 2010), quê quán xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 ở miền Nam, Chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ (8/1945); được trao tặng Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh, Nhà giáo Nhân dân (1992), Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2003). Công trình về Lịch sử Việt Nam gồm 5 bộ, 18 tập của ông được Nhà nước trao Giải thưởng Hồ Chí Minh, đợt 1, năm 1996. |
| 5 | 05 | Giáp<br>đường<br>Thiên Hộ<br>Dương dự<br>kiến | Giáp<br>đường liên<br>huyện Mộc<br>Hóa –<br>Thanh Hóa | 992,1       | 42 | 30 | bê tông<br>nhựa | <b>Độc Binh Kiều</b> | Hay Nguyễn Tấn Kiều (1827 - 1866), cùng với Thiên hộ Võ Duy Dương, ông là một trong hai thủ lĩnh có tài, nổi tiếng đã lãnh đạo nghĩa quân kháng chiến chống Pháp ở vùng Đồng Tháp Mười (1864 - 1866).  |
| 6 | 06 | Giáp<br>đường<br>Thiên Hộ<br>Dương dự<br>kiến | Giáp<br>đường liên<br>huyện Mộc<br>Hóa –<br>Thanh Hóa | 845,3       | 20 | 10 | bê tông<br>nhựa | <b>Thủ Khoa Huân</b> | Hay Nguyễn Hữu Huân (1830 - 1875), quê quán: làng Tịnh Hà, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), là một sĩ phu yêu nước nổi tiếng của Việt Nam. Sau khi Pháp xâm lược Nam Kỳ, ông đứng lên đấu tranh, phối hợp với các vị thủ lĩnh khác như Trương Định, Võ Duy Dương để chiến đấu. Ông được xem là một trong những thủ lĩnh nghĩa quân chiến đấu kiên cường và bền bỉ nhất ở Nam Kỳ.  |

|   |    |                                   |                                   |       |    |     |              |                          |  |
|---|----|-----------------------------------|-----------------------------------|-------|----|-----|--------------|--------------------------|--|
| 7 | 07 | Giáp đường Thiên Hộ Dương dự kiến | Giáp ranh xã Thạnh Hóa            | 4.397 | 24 | 12  | bê tông nhựa | <b>Nguyễn Trung Trục</b> | Anh hùng dân tộc (1838 - 1868), quê quán: làng Bình Nhựt, huyện Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An); lãnh tụ khởi nghĩa tài giỏi, lập nên 02 chiến công lẫy lừng trong phong trào võ trang chống thực dân Pháp xâm lược: đốt chìm tàu L'Esperance (Hy vọng) tại Vàm Nhựt Tảo đầu tháng 12/1861 và đánh úp đồn Kiên Giang ngày 16/6/1868 và chiếm giữ đồn trong 5 ngày; có câu nói bất hủ trước lúc hy sinh: " <i>Bao giờ Tây nhỏ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây</i> ". |
| 8 | 08 | Giáp đường 30/4 dự kiến           | Giáp đường Nguyễn An Ninh dự kiến | 424,6 | 17 | 5,5 | bê tông nhựa | <b>Nguyễn Đình Chiểu</b> | Hay Đồ Chiểu (1822 - 1888), quê quán: làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay là phường Cầu Kho, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh), là nhà thơ yêu nước lớn nhất của miền Nam Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ 19. Sau khi thành Gia Định thất thủ (1859), ông đưa gia đình về sống ở quê vợ là làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Tại đây, ông dạy học, bốc thuốc và sáng tác thơ văn yêu nước với nhiều tác phẩm nổi tiếng, bất hủ: "Chạy giặc", "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"...                |
| 9 | 09 | Giáp đường 30/4 dự kiến           | Giáp đường Thủ Khoa Huân dự kiến  | 320,6 | 17 | 9   | bê tông nhựa | <b>Nguyễn Minh Đường</b> | Nhà hoạt động cách mạng (1919 - 2002), quê quán: xã Phước Vân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An; là Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, Bí thư kiêm Chính ủy Khu 8 (1954 - 1974), Trưởng ban Mặt trận Trung ương Cục miền Nam (1974 -  |

|    |    |                               |                                  |       |    |   |              |                     |  |
|----|----|-------------------------------|----------------------------------|-------|----|---|--------------|---------------------|--|
|    |    |                               |                                  |       |    |   |              |                     | 1975), sau năm 1975, giữ các chức vụ như: Phó Trưởng ban Dân vận Trung ương, Ủy viên Đảng đoàn, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.  |
| 10 | 10 | Giáp đường Lê Văn Của dự kiến | Giáp đường Đốc Binh Kiều dự kiến | 395,9 | 17 | 9 | bê tông nhựa | <b>Lê Văn Tường</b> | Trung tướng quân đội nhân dân Việt Nam (1919 - 2007), quê quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, ông là Chính ủy cánh quân Tây Nam tiến vào giải phóng Sài Gòn.   |
| 11 | 11 | Giáp đường 30/4 dự kiến       | Giáp đường Thủ Khoa Huân dự kiến | 283,2 | 17 | 9 | bê tông nhựa | <b>Hà Tây Giang</b> | Hay còn gọi là Bảy Hà (1924 - 1991), quê quán: làng Hựu Thạnh, quận Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn (nay là Long An). Tháng 8/1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Tân An và quận lỵ Mộc Hóa. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (cuối năm 1954 - 1956) ông là Bí thư Huyện ủy Mộc Hóa. Sau ngày giải phóng miền Nam, ông là PGĐ Sở Y tế tỉnh Long An, Chủ tịch Hội Y học cổ truyền tỉnh Long An. Ông được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; HC Quyết thắng hạng Nhất. |

|    |    |  |   |       |    |    |                 |                        |   |
|----|----|--|---|-------|----|----|-----------------|------------------------|---|
| 12 | 12 | Giáp<br>đường<br>Trần Văn<br>Giàu dự<br>kiến | Giáp<br>đường<br>Nguyễn<br>Trung<br>Trực dự<br>kiến | 401,7 | 20 | 10 | bê tông<br>nhựa | <b>Nguyễn An Ninh</b>  | Nhà trí thức cách mạng, nhà hoạt động xã hội, chính trị nổi tiếng ở Nam Kỳ (1900 - 1943), quê mẹ xã Long Thượng, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là tỉnh Long An), đậu cử nhân luật Đại học Sorbonne, Pháp; sáng lập tổ chức “Hội kín Nguyễn An Ninh” hay Thanh niên Cao vọng Đảng là một tổ chức chính trị chống chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ từ năm 1923 đến 1929. Những năm 1929 - 1930, tổ chức hội kín dân chuyên sang Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, nhiều hội viên trở thành đảng viên, hội viên Công hội đỏ nòng cốt của cách mạng. Ông có công lớn trong việc giác ngộ quân chúng từ chủ nghĩa yêu nước chân chính sang chủ nghĩa xã hội. |
| 13 | 13 | Giáp<br>đường<br>Trần Văn<br>Giàu dự<br>kiến | Giáp<br>đường<br>Nguyễn<br>Đình<br>Chiểu dự<br>kiến | 272,8 | 17 | 9  | bê tông<br>nhựa | <b>Nguyễn Hồng Sến</b> | Nghệ sĩ Nhân dân (1933 -1995), là một trong những nghệ sĩ - chiến sĩ hàng đầu của nền điện ảnh Việt Nam, quê quán: làng Tuyên Thạnh, quận Mộc Hóa, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An), có gần 40 năm hoạt động nghệ thuật điện ảnh nổi tiếng trong và ngoài nước. Ông được xem “là một hiện tượng khá đặc biệt trong điện ảnh Việt Nam”, được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996, được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh. Một số bộ phim nổi tiếng: “Nước về Bắc Hưng Hải”, “Đường về phía trước”, “Mùa gió chướng”, “Cánh đồng hoang”, “Vùng gió xoáy”...   |

|    |    |  |   |       |      |     |                 |                         |   |
|----|----|--|---|-------|------|-----|-----------------|-------------------------|---|
| 14 | 14 | Giáp<br>đường Hà<br>Tây Giang<br>dự kiến     | Giáp<br>đường<br>Nguyễn<br>Trung<br>Trực dự<br>kiến | 192   | 13   | 7   | bê tông<br>nhựa | <b>Đặng Thị Mạnh</b>    | Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1922 - 1952), quê quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An (nay là thị xã Kiến Tường tỉnh Long An).  |
| 15 | 15 | Giáp<br>đường<br>Thủ Khoa<br>Huân dự<br>kiến | Giáp<br>đường<br>Nguyễn<br>Trung<br>Trực dự<br>kiến | 250,2 | 15   | 9   | bê tông<br>nhựa | <b>Nguyễn Thái Bình</b> | Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1948 - 1972), quê quán: xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; là sinh viên ưu tú tốt nghiệp hạng danh dự ngành Ngư nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm tại Đại học Washington; tham gia tích cực phong trào phản chiến chiến tranh Việt Nam tại Mỹ; bị Mỹ trục xuất về nước và bắn chết tại phi trường Tân Sơn Nhất; đã trở thành một biểu tượng cho phong trào phản chiến của sinh viên miền Nam Việt Nam trong thập niên 1970. |
| 16 | 16 | Giáp<br>đường Hà<br>Tây Giang<br>dự kiến     | Giáp<br>đường<br>Nguyễn<br>Trung<br>Trực dự<br>kiến | 192   | 11,5 | 5,5 | bê tông<br>nhựa | <b>Lê Văn Cửa</b>       | Hay Mười Râu (1900 – 1946), quê quán: làng Thuận Nghĩa Hòa, quận Mộc Hóa, tỉnh Tân An (nay là huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An), tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11/1940, là chỉ huy trưởng quân sự đầu tiên của tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An); hy sinh tại ấp Giồng Tra, làng Bình Hiệp, quận Mộc Hóa ngày 27/1/1946, được truy tặng Huân chương độc lập hạng III, năm 1998.   |
| 17 | 17 | Giáp<br>đường<br>Huỳnh<br>Công               | Giáp<br>đường 30/4<br>dự kiến                       | 195   | 12   | 6   | bê tông<br>nhựa | <b>Bùi Thị Thượng</b>   | Hay Nguyễn Thị Phải, Mẹ Việt Nam anh hùng (1911 - 1995), quê quán: xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 3 con là liệt sĩ.  |

|    |    |                                      |                                  |     |    |   |              |                       |  |
|----|----|--------------------------------------|----------------------------------|-----|----|---|--------------|-----------------------|--|
|    |    | Thân dự kiến                         |                                  |     |    |   |              |                       |  |
| 18 | 18 | Giáp đường Huỳnh Công Thân dự kiến   | Giáp đường 30/4 dự kiến          | 207 | 12 | 6 | bê tông nhựa | <b>Nguyễn Thị Vị</b>  | Mẹ Việt Nam anh hùng (1912 - 1970), quê quán: xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 3 con là liệt sĩ.          |
| 19 | 19 | Giáp đường Phạm Thị Giới dự kiến     | Giáp đường Hồ Thị Khuyên dự kiến | 124 | 12 | 6 | bê tông nhựa | <b>Nguyễn Thị Sửu</b> | Mẹ Việt Nam anh hùng (1915 - 1983), quê quán: xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 3 con là liệt sĩ.          |
| 20 | 20 | Giáp đường Nguyễn Trung Trực dự kiến | Giáp đường Nguyễn Thị Vị dự kiến | 127 | 12 | 6 | bê tông nhựa | <b>Phạm Thị Giới</b>  | Mẹ Việt Nam anh hùng (1902 - 2002), quê quán: xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 2 con là liệt sĩ.          |
| 21 | 21 | Giáp đường Nguyễn Trung Trực dự kiến | Giáp đường Nguyễn Thị Vị dự kiến | 127 | 15 | 9 | bê tông nhựa | <b>Võ Thị Chương</b>  | Mẹ Việt Nam anh hùng (1911 - 1979), quê quán: xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có chồng và 2 con là liệt sĩ. |
| 22 | 22 | Giáp đường Nguyễn Trung Trực dự kiến | Giáp đường Nguyễn Thị Vị dự kiến | 104 | 12 | 6 | bê tông nhựa | <b>Hồ Thị Khuyên</b>  | Mẹ Việt Nam anh hùng (1892 - 1946), quê quán: xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 2 con là liệt sĩ.          |

**B. Các tuyến đường Cụm dân cư trung tâm xã Bình Phong Thạnh**

| STT | Tên đường tạm thời | Điểm đầu                        | Điểm cuối                      | Độ dài (m)              | Bề rộng trung bình (m) |          | Kết cấu      | Tên đường mới       | Tóm tắt tiểu sử   |
|-----|--------------------|---------------------------------|--------------------------------|-------------------------|------------------------|----------|--------------|---------------------|---|
|     |                    |                                 |                                |                         | Nền rộng               | Mặt rộng |              |                     |   |
| 1   | 01                 | Giáp đường tỉnh 817             | Giáp đường Hồ Thị Ràng dự kiến | 116,8 (dự kiến kéo dài) | 16                     | 6        | bê tông nhựa | <b>Lê Thị Tụ</b>    | Mẹ Việt Nam anh hùng (1920 - 2012), quê quán: xã Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 03 con là liệt sĩ.   |
| 2   | 02                 | Giáp đường tỉnh 817             | Giáp đường Hồ Thị Ràng dự kiến | 116,8 (dự kiến kéo dài) | 20                     | 8        | bê tông nhựa | <b>Võ Thị Tám</b>   | Mẹ Việt Nam anh hùng (1908 - 1995), quê quán: xã Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 04 con là liệt sĩ.   |
| 3   | 03                 | Giáp đường tỉnh 817             | Giáp kênh 61                   | 7.800                   | 24                     | 12       | bê tông nhựa | <b>Trần Văn Trà</b> | Thượng tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam (1919 - 1996), quê quán: xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Thường trực Quân ủy Trung ương, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; đã lãnh đạo kháng chiến tại chiến khu Đồng Tháp Mười trong những năm 1946 - 1948 với vai trò Khu bộ trưởng Khu 8. |
| 4   | 04                 | Giáp đường Trần Văn Trà dự kiến | Giáp đường Lê Thị Tụ dự kiến   | 229                     | 12                     | 6        | bê tông nhựa | <b>Hồ Thị Ràng</b>  | Mẹ Việt Nam anh hùng (1922 - 1994), quê quán: xã Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 03 con là liệt sĩ.   |



|   |    |                                 |                              |     |    |  |                 |                    |  |
|---|----|---------------------------------|------------------------------|-----|----|--|-----------------|--------------------|--|
| 5 | 05 | Giáp đường Trần Văn Trà dự kiến | Giáp đường Lê Thị Tụ dự kiến | 229 | 30 | 12<br>(đường<br>đôi<br>công<br>viên ở<br>giữa,<br>mỗi<br>đường<br>12m) | bê tông<br>nhựa | <b>Lê Thị Khéo</b> | Mẹ Việt Nam anh hùng (1906 - 1964) quê quán: xã Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 05 con là liệt sĩ. |
|---|----|---------------------------------|------------------------------|-----|----|--|-----------------|--------------------|--|

### C. Các tuyến đường Cụm dân cư ấp 3 xã Bình Hòa Đông

| STT | Tên đường tạm thời | Điểm đầu                       | Điểm cuối                       | Độ dài (m)                                | Bề rộng trung bình (m) |          | Kết cấu      | Tên đường mới      | Tóm tắt tiểu sử   |
|-----|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|---|------------------------|----------|--------------|--------------------|---|
|     |                    |                                |                                 |   | Nền rộng               | Mặt rộng |              |                    |   |
| 1   | 01                 | Giáp đường tỉnh 817            | Giáp đường Trần Thị Cù dự kiến  | 257,6<br>(dự kiến kéo dài đến Quốc lộ N1) | 24                     | 12       | bê tông nhựa | <b>Lê Quốc Sản</b> | Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam (1920 - 2000), quê quán: xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, từng sống và chiến đấu ở Đòng Tháp Mười trong những năm đầu của chín năm kháng chiến chống Pháp với vai trò là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 120, người tham gia chỉ huy trận đánh Mộc Hóa lịch sử 16 - 18/8/1948. |
| 2   | 02                 | Giáp đường Trần Thị Cù dự kiến | Giáp đường Lê Thị Thiệt dự kiến | 91,8                                      | 14,5                   | 6,5      | bê tông nhựa | <b>Phan Thị Có</b> | Mẹ Việt Nam anh hùng (1915 - 1947), quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 02 con là liệt sĩ.  |

|   |    |                                 |                                    |                            |    |     |              |                        |   |
|---|----|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------|----|-----|--------------|------------------------|---|
| 3 | 03 | Giáp đường tỉnh 817             | Giáp đường Nguyễn Thị Chực dự kiến | 179,7                      | 24 | 16  | bê tông nhựa | <b>Ngô Thị Thân</b>    | Mẹ Việt Nam anh hùng (1917 - 1997), quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có chồng và 3 con là liệt sĩ.  |
| 4 | 04 | Giáp đường tỉnh 817             | Giáp đường Trần Thị Cửa dự kiến    | 232                        | 13 | 6   | bê tông nhựa | <b>Lý Thị Liên</b>     | Mẹ Việt Nam anh hùng (1911 - 1989), quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 02 con là liệt sĩ.          |
| 5 | 05 | Giáp đường Lê Quốc Sản dự kiến  | Giáp đường Lý Thị Liên dự kiến     | 166                        | 13 | 6,5 | bê tông nhựa | <b>Trần Thị Đượm</b>   | Mẹ Việt Nam anh hùng (1915 - 2002), quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 2 con và cả hai là liệt sĩ. |
| 6 | 06 | Giáp đường Ngô Thị Thân dự kiến | Giáp đường Lý Thị Liên dự kiến     | 94,5                       | 14 | 6,5 | bê tông nhựa | <b>Lê Thị Giải</b>     | Mẹ Việt Nam anh hùng (1905 - 1970), quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có 2 con là liệt sĩ.           |
| 7 | 07 | Giáp đường Lê Quốc Sản dự kiến  | Giáp đường Lý Thị Liên dự kiến     | 194,5<br>(dự kiến kéo dài) | 13 | 6   | bê tông nhựa | <b>Lê Thị Thiệt</b>    | Mẹ Việt Nam anh hùng (1922 - 1999) quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có con độc nhất là liệt sĩ.     |
| 8 | 08 | Giáp đường Phan Thị Có dự kiến  | Giáp đường Lý Thị Liên dự kiến     | 151                        | 14 | 6   | bê tông nhựa | <b>Nguyễn Thị Chực</b> | Mẹ Việt Nam anh hùng (1909 - 2004) quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; có chồng và 01 con là liệt sĩ.  |

|   |    |   |   |                                   |    |   |                 |                     |  |
|---|----|---|---|-----------------------------------|----|---|-----------------|---------------------|--|
| 9 | 09 | Giáp<br>đường Lê<br>Quốc Sán<br>dự kiến | Giáp<br>đường Lý<br>Thị Liên<br>dự kiến | 237<br>(dự<br>kiến<br>kéo<br>dài) | 16 | 7 | bê tông<br>nhựa | <b>Trần Thị Cửa</b> | Mẹ Việt Nam anh hùng (1909 - 1992),<br>quê quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc<br>Hóa, tỉnh Long An; có 02 con là liệt sĩ. |
|---|----|---|---|-----------------------------------|----|---|-----------------|---------------------|--|